



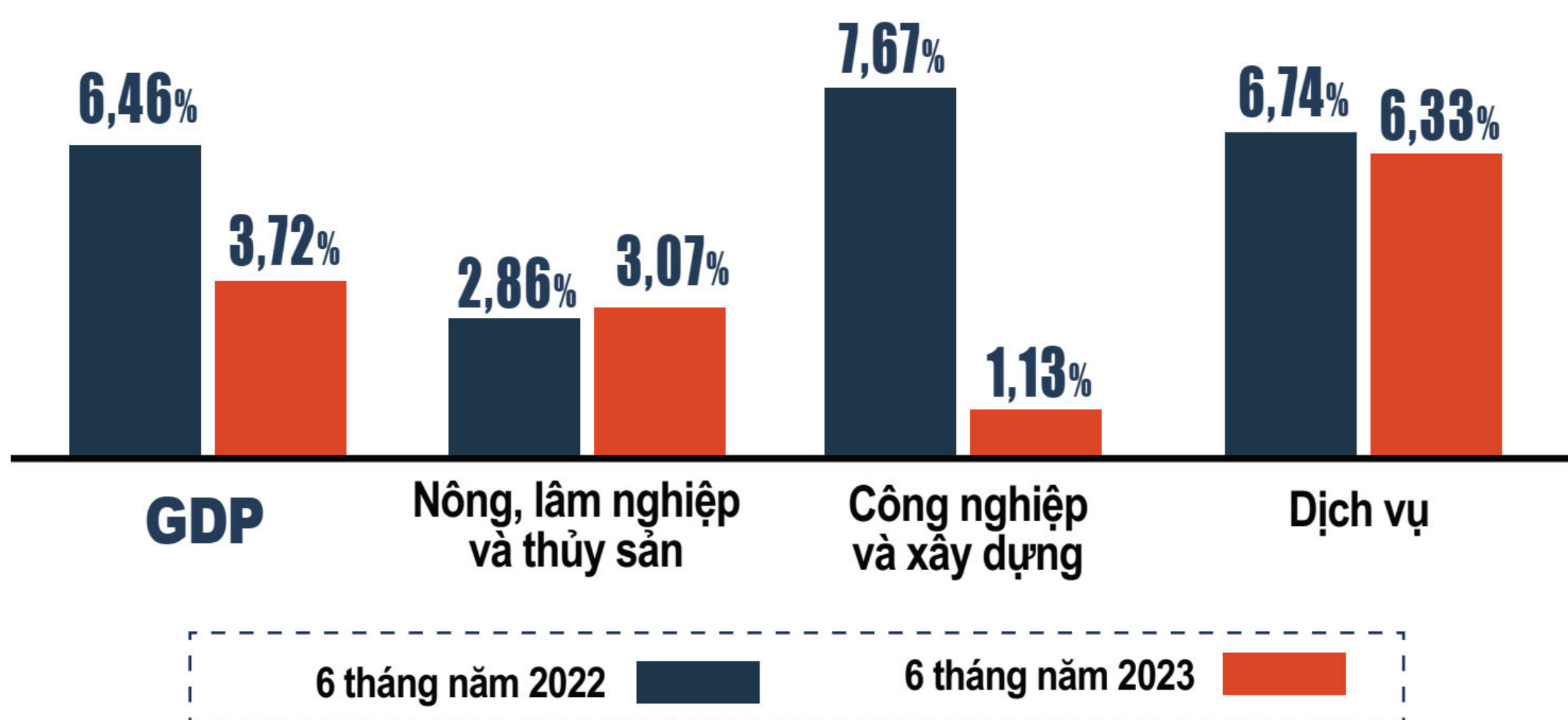
TÌNH HÌNH KINH TẾ - XÃ HỘI



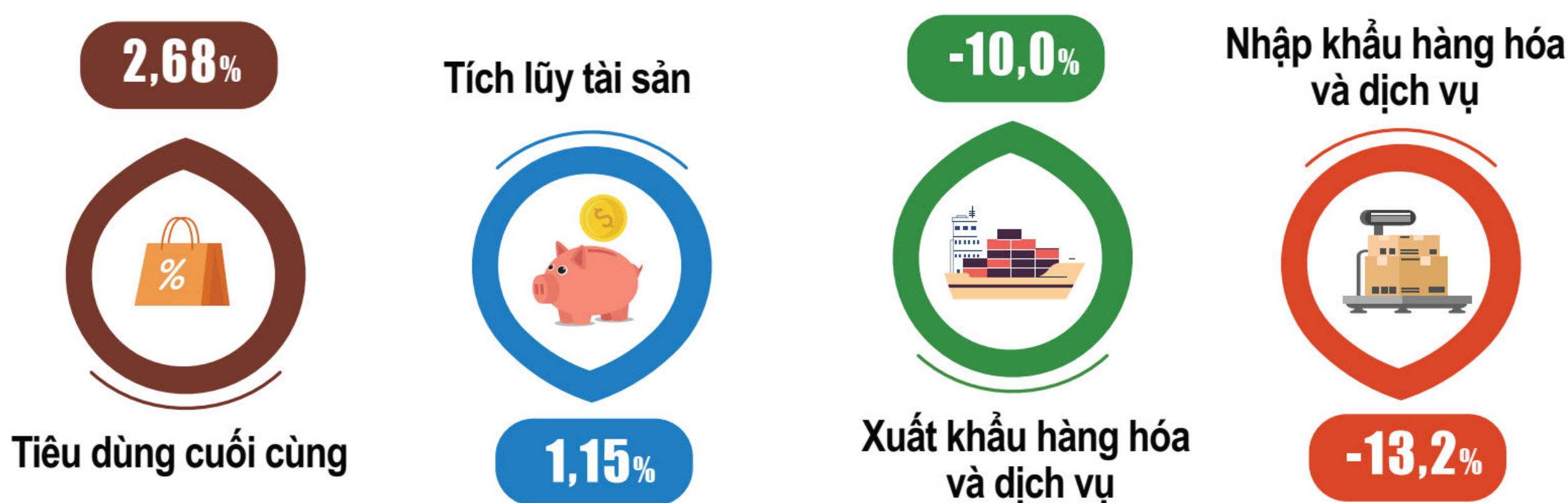
QUÝ II VÀ 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2023

TỔNG SẢN PHẨM TRONG NƯỚC (GDP)

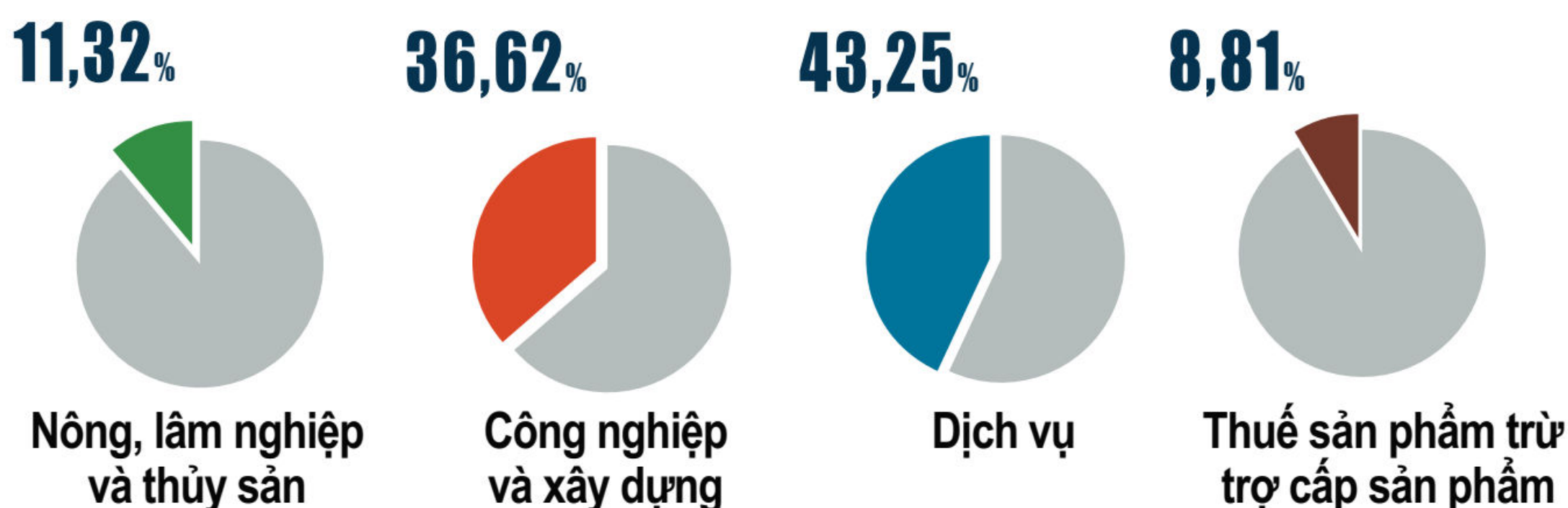
Tốc độ tăng GDP 6 tháng đầu năm so với cùng kỳ năm trước



Tốc độ tăng/giảm GDP theo phương pháp sử dụng 6 tháng đầu năm 2023



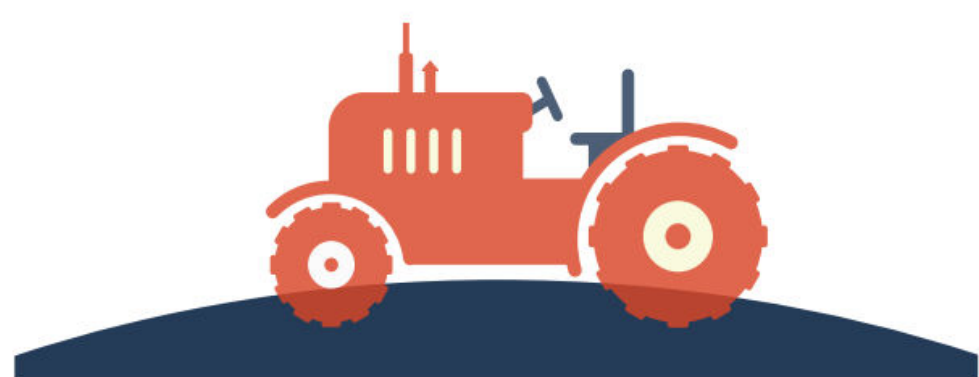
Cơ cấu GDP 6 tháng đầu năm 2023



SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP

Trồng trọt tính đến 15/6/2023

Diện tích gieo trồng lúa và hoa màu
(Nghìn ha, tăng/giảm so cùng kỳ năm trước)



2.952,5

▼ 1,3%

Lúa đông xuân

1.788,9

▼ 1,3%

Lúa hè thu

560,8

▼ 1,6%

Ngô

58,4

▼ 5,7%

Khoai lang

119,4

▼ 5,1%

Lạc

15,0

▼ 7,1%

Đậu tương

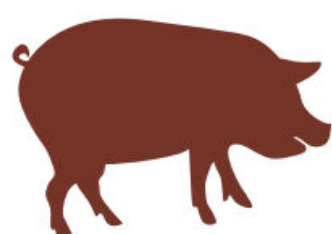
751,6

▲ 0,9%

Rau, đậu

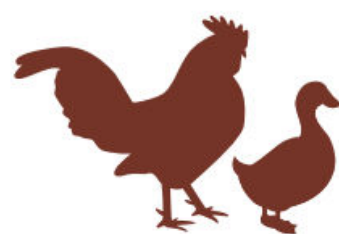
Số lượng gia súc, gia cầm cuối tháng 6/2023 so với cùng thời điểm năm trước

▲ 2,5%



Lợn

▲ 0,9%



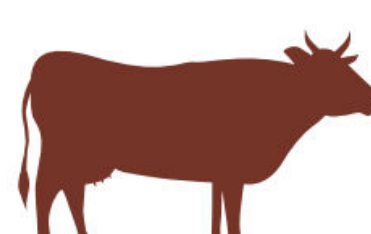
Gia cầm

▼ 1,7%



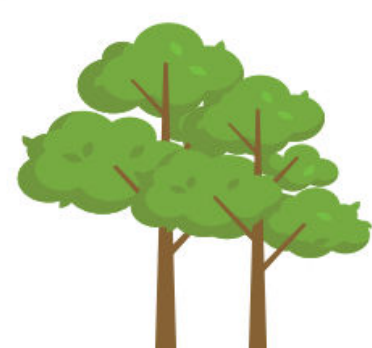
Trâu

▲ 0,9%



Bò

Lâm nghiệp 6 tháng đầu năm 2023



125,5 nghìn ha

▲ 1,8%

Diện tích rừng trồng mới tập trung

8,8 triệu m³

▲ 3,7%



Sản lượng gỗ khai thác

Sản lượng thủy sản 6 tháng đầu năm 2023

Tổng số

4.270,5 nghìn tấn

▲ 1,7%

Nuôi trồng

2.336,4

nghìn tấn

▲ 3,0%

Khai thác

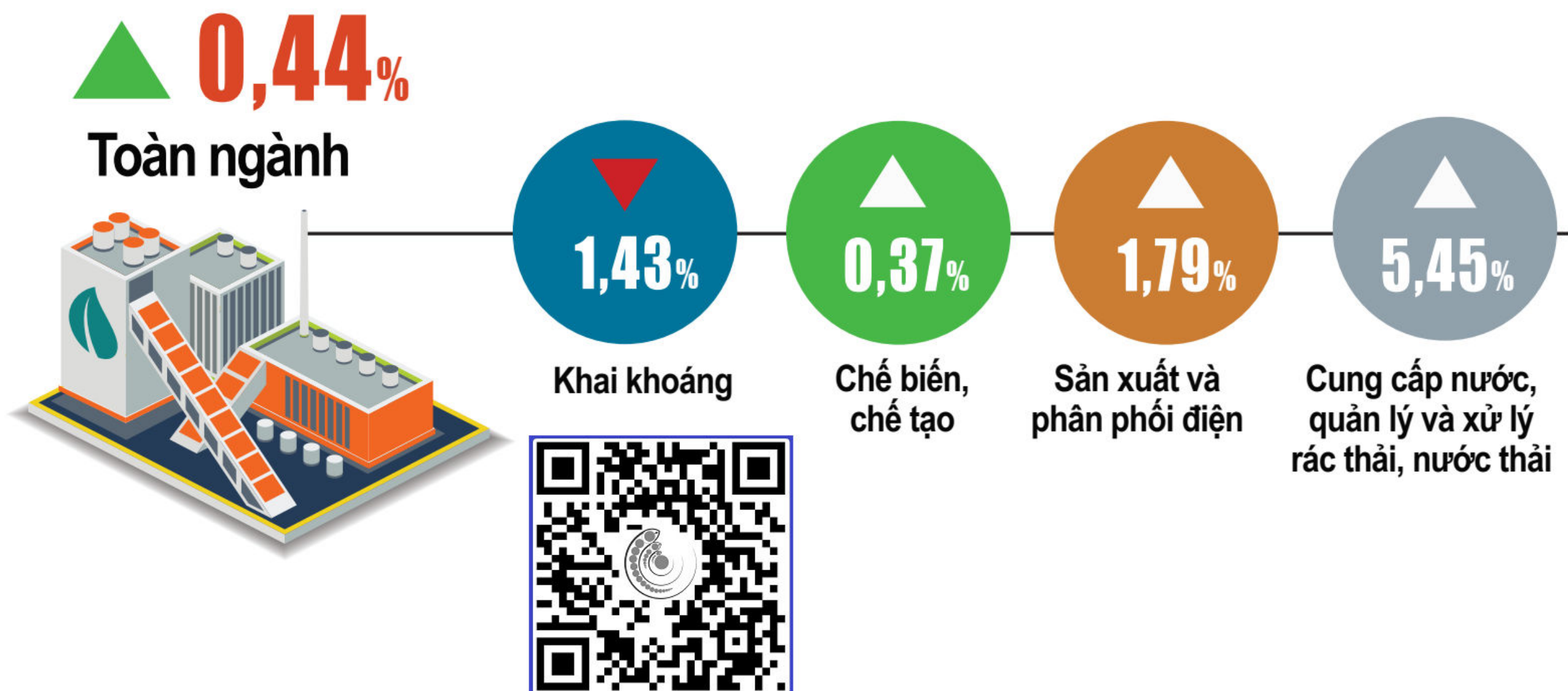
1.934,1

nghìn tấn

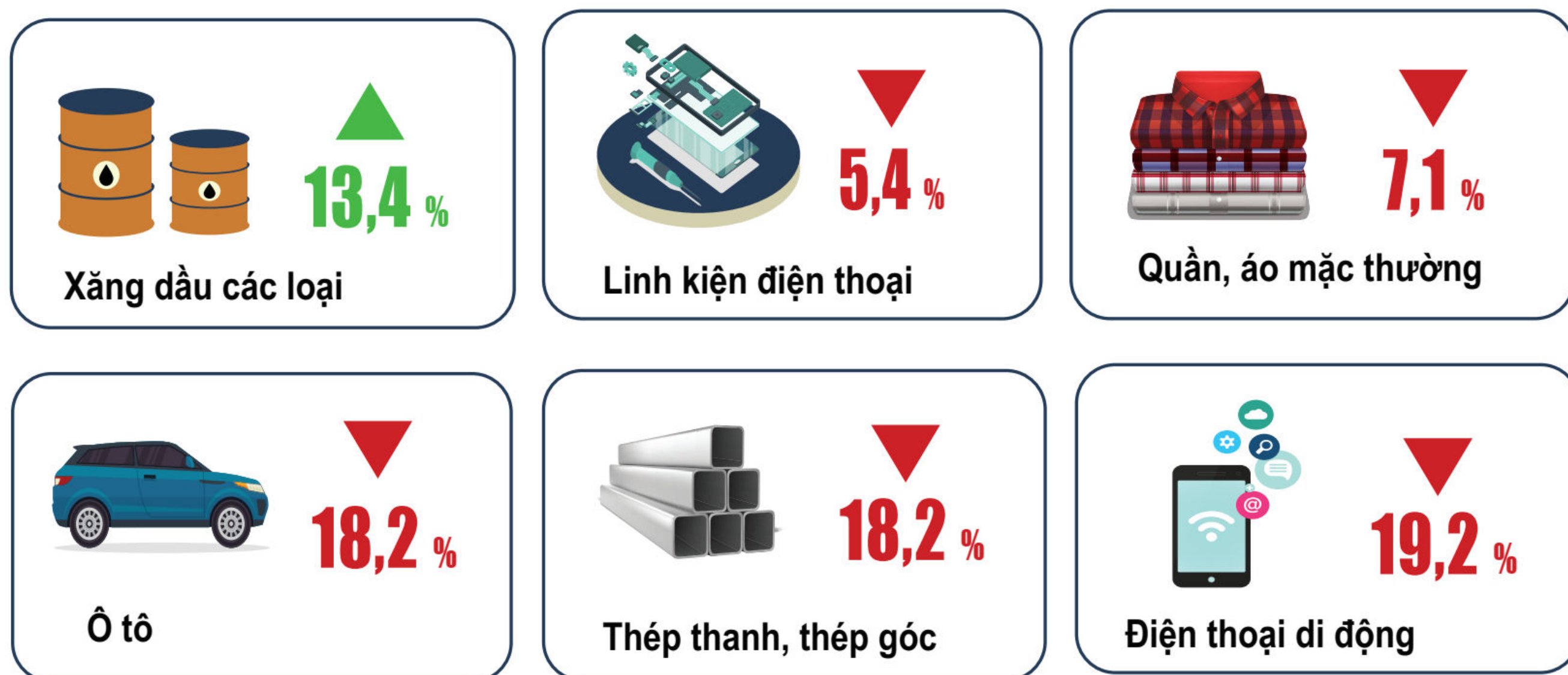
▲ 0,2%

SẢN XUẤT CÔNG NGHIỆP 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2023

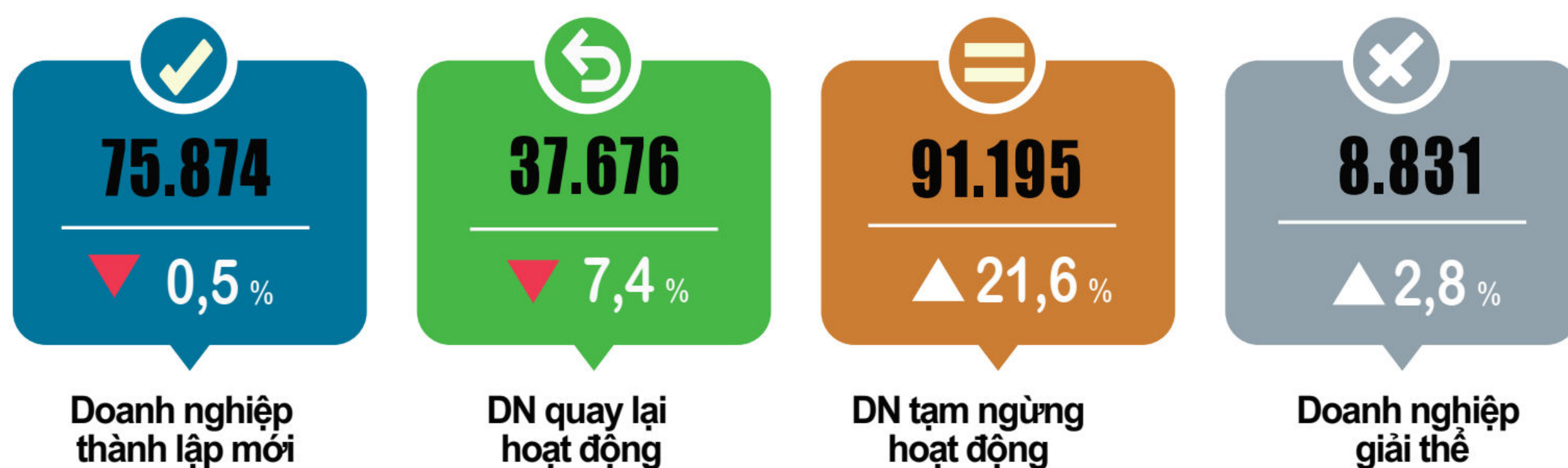
Tốc độ tăng giá trị tăng thêm (VA) ngành công nghiệp so với cùng kỳ năm trước



Tốc độ tăng/giảm một số sản phẩm công nghiệp chủ yếu so với cùng kỳ năm trước

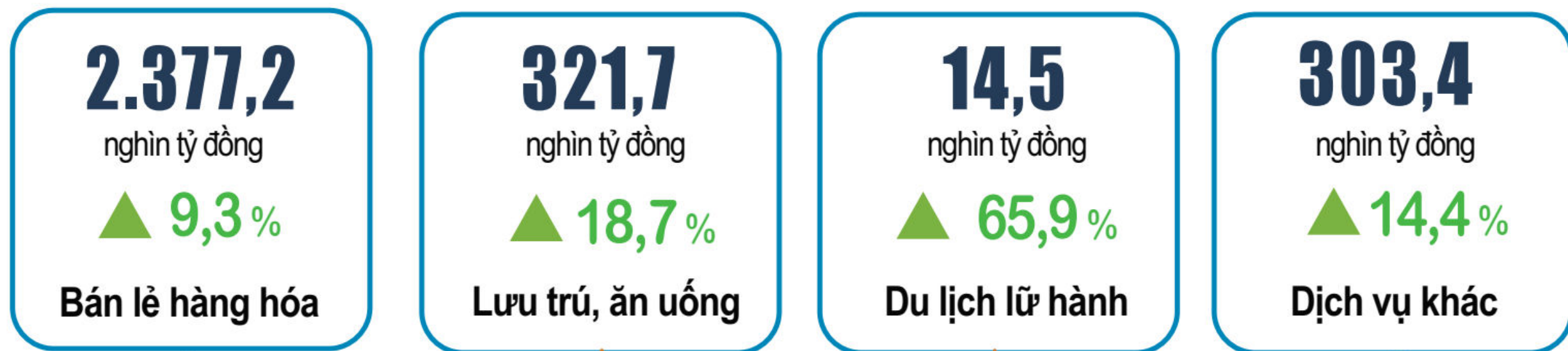


TÌNH HÌNH ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2023



HOẠT ĐỘNG DỊCH VỤ 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2023

Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng



TỔNG SỐ | **3.016,8** nghìn tỷ đồng ▲ 10,9%



Vận tải hành khách và hàng hóa

Vận tải hành khách

Vận chuyển

2.178,8 triệu lượt khách ▲ 15,9%

Luân chuyển

118,4 tỷ khách.km ▲ 32,4%



Vận tải hàng hóa

Vận chuyển

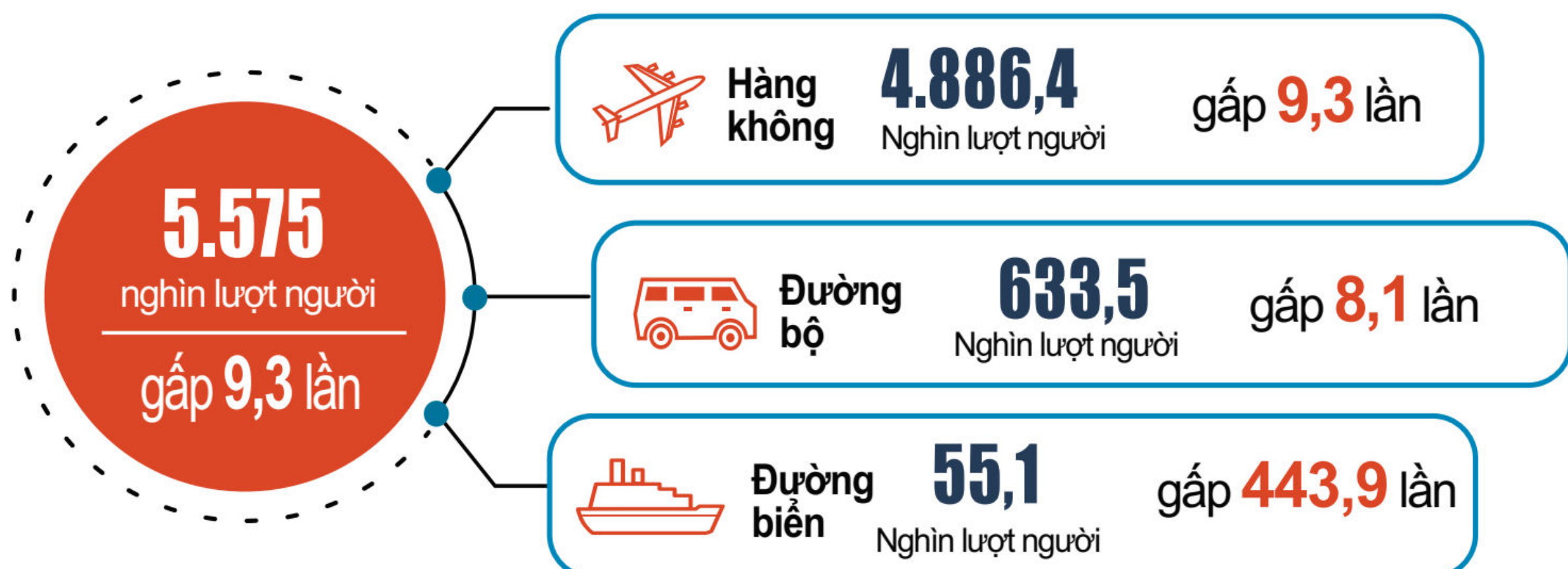
1.109,0 triệu tấn ▲ 15,9%

Luân chuyển

232,5 tỷ tấn.km ▲ 14,8%



Khách quốc tế đến Việt Nam



Phân theo vùng lãnh thổ (Nghìn lượt người)

Châu Á
4.191,6

Châu Âu
695,3

Châu Mỹ
473,4

Châu Úc
202,3

Châu Phi
12,4

HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ

Vốn đầu tư thực hiện toàn xã hội
6 tháng đầu năm 2023

Tổng số

1.357,7 nghìn tỷ đồng ▲ **4,7 %**

Nhà nước

370,5
nghìn tỷ đồng

▲ **12,6%**

Ngoài NN

751,9
nghìn tỷ đồng

▲ **2,1%**

FDI

235,3
nghìn tỷ đồng

▲ **1,7%**

Đầu tư nước ngoài vào Việt Nam
từ 1/1 đến 20/6/2023

Tổng vốn đăng ký

13,43 tỷ USD ▼ **4,3 %**

Tổng vốn thực hiện

10,02 tỷ USD ▲ **0,5 %**

XUẤT NHẬP KHẨU HÀNG HÓA 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2023

Xuất khẩu

164,45 tỷ USD
▼ **12,1%**

Nhập khẩu

152,20 tỷ USD
▼ **18,2%**

XUẤT SIÊU

12,25 tỷ USD



CHỈ SỐ GIÁ

100,27%

CPI tháng 6/2023
so với
tháng trước

102,00%

CPI tháng 6/2023
so với
tháng 6/2022

103,29%

CPI BQ 6 tháng đầu
năm 2023 so với
cùng kỳ
năm trước

100,67%

Chỉ số giá vàng
BQ 6 tháng năm 2023
so với cùng
kỳ năm trước

102,61%

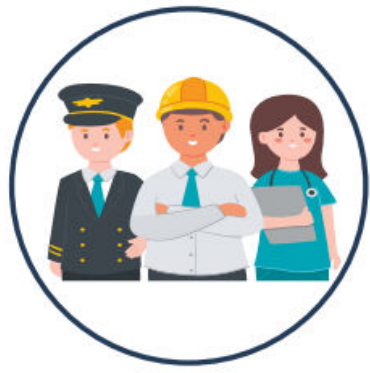
Chỉ số giá đô la Mỹ
BQ 6 tháng năm 2023
so với cùng
kỳ năm trước

MỘT SỐ VẤN ĐỀ XÃ HỘI 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2023

Lao động, việc làm



Lao động có việc làm



51,2 triệu người
▲ 1,8%

Tỷ lệ thất nghiệp trong độ tuổi lao động

2,27%



Tỷ lệ thiếu việc làm trong độ tuổi lao động

2,00%



Thu nhập bình quân tháng của lao động



7,0 triệu đồng/tháng
▲ 7,6%

Dịch bệnh và ngộ độc thực phẩm



Sốt xuất huyết

34.878

trường hợp

(**8** người tử vong)



Tay chân miệng

12.644

trường hợp

(**5** người tử vong)



Ngộ độc thực phẩm

51 vụ

771 người bị ngộ độc

(**11** người tử vong)

Tai nạn giao thông từ ít nghiêm trọng trở lên

Số vụ tai nạn

3.603

Bình quân 1 ngày

20
Vụ

Số người chết

2.865

Bình quân 1 ngày

16
người

Số người bị thương

2.009

Bình quân 1 ngày

11
người